Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài
Địa chỉ: sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.
Mã số doanh nghiệp: 0101509403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/07/2004, thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021

NOIBAI CATERING SERVICES

M.S.D.N: 0101509403 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
08h30-09h00	- Đăng ký tham dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông - Phát phiếu biểu quyết và tài liệu họp	Ban tổ chức
09h00-09h10	- Khai mạc cuộc họp - Giới thiệu thành phần tham dự, Chủ tọa cuộc họp	Ban tổ chức
09h10-09h20	Bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông	Chủ tọa - Ông Ngô Hồng Minh
09h20-09h25	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
09h25-09h30	- Thông qua Chương trình họp - Thông qua Quy chế tổ chức họp	Chủ tọa - Ông Ngô Hồng Minh
09h30-09h35	Báo cáo hoạt động và công tác giám sát năm 2025 của Hội đồng quản trị	Ông Ngô Hồng Minh
09h35-09h40	Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát và Kế hoạch hoạt động năm 2026	Ông Lê Hoàng Chính
09h40-09h50	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	Ông Nguyễn Văn Dũng
09h50-10h00	Báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả năm 2026 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường
10h00-10h05	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025	Ông Nguyễn Văn Dũng
10h05-10h10	Trình ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan	Ông Ngô Hồng Minh
10h10-10h25	Thảo luận và biểu quyết	Đại hội đồng cổ đông
10h25-10h40	Nghỉ giải lao – Tiệc trà nhẹ	

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
10h40-10h50	Công bố kết quả kiểm phiếu cuộc họp	Ban bầu cử và kiểm phiếu
10h50-11h05	Thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp	Thư ký
11h05	Bế mạc cuộc họp	Ban Tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia họp, điều kiện, trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có tên trên Danh sách cổ đông của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của cổ đông

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền;

b) Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

d) Được thông báo công khai toàn bộ nội dung, chương trình họp.

e) Được nhận Phiếu biểu quyết và các tài liệu thảo luận tại cuộc họp.

f) Được tham gia ý kiến và tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Được thảo luận, phát biểu, đóng góp ý kiến tại cuộc họp.

h) Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của cổ đông

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b) Tuân thủ nội dung quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn.

d) Tôn trọng kết quả làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f) Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa cuộc họp có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của Chủ tọa

a) Đề cử Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Bầu cử, Ban Kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

c) Được hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Nghĩa vụ của Chủ tọa

a) Điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, trật tự, đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và chương trình đã được thông qua.

b) Tôn trọng ý kiến thảo luận, phát biểu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông tại cuộc họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

a) Được yêu cầu cổ đông, người đại diện của cổ đông đến dự cuộc họp xuất trình các giấy tờ cần thiết chứng minh quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Thu giữ các giấy tờ chứng minh quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và phát tài liệu, Phiếu biểu quyết cho cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

2. Nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

a) Báo cáo trung thực trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu có quyền kiểm tra, ghi nhận toàn bộ kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại Đại hội.

2. Nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông thực hiện việc biểu quyết, bầu cử đúng quy định.

b) Thực hiện việc phát, thu phiếu biểu quyết;

c) Kiểm phiếu một cách trung thực và chính xác.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

Thư ký do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thư ký có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Thư ký

Theo sự phân công của Chủ tọa, Thư ký có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để cuộc họp diễn ra một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

2. Nghĩa vụ của Thư ký

a) Lập biên bản cuộc họp một cách trung thực và chính xác; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

b) Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa cuộc họp.

CHƯƠNG III
TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện, cách thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp;

4. Chương trình và nội dung họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9. Điều kiện, cách thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Đối với quyết định về đầu tư tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và phương án tăng vốn điều lệ thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Vấn đề khác phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu

từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định của Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự, cách thức để cổ đông phát biểu, đóng góp ý kiến

1. Cổ đông được phát biểu, đóng góp ý kiến trong khoảng thời gian đã thông báo trong Chương trình họp.

2. Cổ đông phát biểu, đóng góp ý kiến sau khi được Chủ tọa cuộc họp đồng ý và theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 11. Nội quy phòng họp Đại hội đồng cổ đông

Người tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm:

1. Chấp hành nội quy của Công ty, tuân thủ sự hướng dẫn của ban tổ chức về việc sắp xếp chỗ ngồi, việc di chuyển trong phòng họp.

2. Trang phục lịch sự, giữ gìn trật tự trong phòng họp…

CHƯƠNG IV
KẾT THÚC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký ghi vào biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và Thư ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được ghi thành Nghị quyết của cuộc họp.

2. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Nghị quyết cuộc họp được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua.

Điều 14. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm

soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra Quyết định và nội dung Quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Ngô Hồng Minh

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
Địa chỉ: sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.
Mã số doanh nghiệp: 0101509403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/07/2004, thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021

NOIBAI CATERING SERVICES

THƯ MỜI HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Trân trọng kính mời ông/bà:

Số CMTND hoặc ĐKKD:

Địa chỉ:

Số lượng chứng khoán nắm giữ:

đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài với chi tiết như sau:

1. **Thời gian:** 08h30 ngày 22 tháng 4 năm 2026

   Đăng ký tham dự họp từ 08h30-09h00.

2. **Địa điểm:** Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài- Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

3. **Nội dung Đại hội:** Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

4. **Đăng ký tham dự và tài liệu Đại hội**

Chương trình, tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và các mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.noibaicatering.com.vn, chuyên mục QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ.

Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự họp bằng fax/gửi thư điện tử/gửi trực tiếp/gửi bưu điện (kèm theo Giấy ủy quyền- nếu có) về địa chỉ trụ sở Công ty.

Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xuất trình: Thư mời họp, CCCD/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (bản chính)/bản sao Giấy CNĐKDN và Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu là người được ủy quyền) để Ban tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông.

Địa chỉ liên hệ:

Bà Phí Thị Thu Anh - Thư ký Công ty

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài- Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 38 843 441 Fax: +84 24 38 840 199

Điện thoại di động: 090 490 5718 Email: anhpt@noibaicatering.com.vn

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Ngô Hồng Minh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Kính gửi: Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Tên cổ đông: .....

Địa chỉ: .....

Số CCCD/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Mã cổ đông/GCN sở hữu: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

Tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, nay xác nhận sẽ tham dự họp theo hình thức sau đây:

- **Trực tiếp tham dự Đại hội** ☐
- **Uỷ quyền cho người đại diện tham dự Đại hội** ☐
  (Có Giấy uỷ quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức được biết.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

(Ký tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
(tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Tên cổ đông: .....
Địa chỉ: .....
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Giấy phép đầu tư: .....
do ..... cấp ngày .....
Mã cổ đông/GCN sở hữu: .....
Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

Chúng tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, nay xác nhận sẽ tham dự họp theo hình thức sau đây:

- **Người đại diện theo pháp luật tham dự họp** ☐
- **Người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp** ☐

  (Có Giấy uỷ quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức được biết.

……, ngày …… tháng …… năm 2026

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

1. Người ủy quyền:

Tên cổ đông:

CCCD/Hộ chiếu//ĐKDN số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

2. Người được ủy quyền:

Ông (bà):

CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt người ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài vào ngày 22/4/2026.

Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết tất cả những vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài theo quy định Pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội với số lượng được ủy quyền là:

☐ Toàn bộ

☐ Một phần: (ghi rõ số lượng CP được ủy quyền)

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

5. Trách nhiệm của người được ủy quyền:

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông: **XYZ**

Số đăng ký sở hữu: 01010101010

Họ và tên người được ủy quyền: **NGUYỄN VĂN A**

Số phiếu biểu quyết:

12.345.678

CÔNG TY CỔ PHẦN **SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-NCS-HĐQT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu : 880.006.925.775 đồng
- Giảm trừ doanh thu : 25.999.778.999 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 85.102.225.285 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 67.691.421.983 đồng

2. Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và đã được đăng tải trên Website của Công ty, đồng thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

Tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Việt Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0101509401 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T : +84 24 5678 3999
E : uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 131/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phạm Thị Thảo	**Phạm Thị Ngọc Thơ**
Giám đốc kiểm toán	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5354-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**188.225.123.457**	**161.154.139.650**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**15.980.560.045**	**13.483.353.480**
Tiền	111		15.980.560.045	13.483.353.480
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**73.000.000.000**	**53.000.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		73.000.000.000	53.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**85.533.552.938**	**78.476.084.904**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.360.507.707	74.679.735.010
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	112.665.350	2.840.287.621
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.264.064.834	2.159.747.226
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**13.711.010.474**	**15.422.810.278**
Hàng tồn kho	141		13.711.010.474	15.422.810.278
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**771.890.988**
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	771.890.988
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**296.935.722.289**	**310.849.716.759**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.456.529.600**	**561.078.800**
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.456.529.600	1.372.878.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(811.800.000)
Tài sản cố định	**220**		**287.802.724.019**	**299.688.356.071**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	287.802.724.019	299.688.356.071
- Nguyên giá	*222*		*583.656.023.094*	*566.060.443.729*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(295.853.299.075)*	*(266.372.087.658)*
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	*228*		*4.748.831.818*	*4.748.831.818*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(4.748.831.818)*	*(4.748.831.818)*
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.676.468.670**	**10.600.281.888**
Chi phí trả trước dài hạn	261		7.676.468.670	10.600.281.888
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**485.160.845.746**	**472.003.856.409**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**237.858.395.024**	**289.509.813.012**
Nợ ngắn hạn	**310**		**220.346.362.221**	**231.597.780.209**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	78.552.651.691	74.935.787.763
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	58.279.950
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.706.011.025	10.276.508.846
Phải trả người lao động	314		70.244.476.442	53.662.533.865
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.962.934.503	2.107.016.374
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	670.070.296	533.317.447
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	60.400.000.000	89.753.937.994
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		810.218.264	270.397.970
Nợ dài hạn	**330**		**17.512.032.803**	**57.912.032.803**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	17.512.032.803	57.912.032.803
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**18**	**247.302.450.722**	**182.494.043.397**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**247.302.450.722**	**182.494.043.397**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	179.490.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*179.490.980.000*	*179.490.980.000*
Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.820.350.722	3.011.943.397
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*128.928.739*	*(51.757.158.193)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421*		*67.691.421.983*	*54.769.101.590*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**485.160.845.746**	**472.003.856.409**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thu Hà	Chu Khánh Linh	Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**900.752.711.695**	**758.843.118.026**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	25.999.778.999	26.776.552.303
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**874.752.932.696**	**732.066.565.723**
Giá vốn hàng bán	11	22	738.875.793.340	615.109.381.060
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**135.877.139.356**	**116.957.184.663**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.064.342.639	2.798.925.788
Chi phí tài chính	22	24	8.096.484.264	12.367.509.534
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*7.679.905.539*	*12.077.550.507*
Chi phí bán hàng	25	25	15.601.634.722	13.881.294.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	31.759.879.938	26.072.465.114
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**85.483.483.071**	**67.434.841.117**
Thu nhập khác	31		189.650.440	213.117.311
Chi phí khác	32		570.908.226	39.410.704
Lợi nhuận khác	**40**		**(381.257.786)**	**173.706.607**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**85.102.225.285**	**67.608.547.724**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	17.410.803.302	12.839.446.134
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**67.691.421.983**	**54.769.101.590**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**3.771**	**2.891**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**29**	**3.771**	**2.891**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thu Hà	Chu Khánh Linh	Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**85.102.225.285**	**67.608.547.724**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.481.211.417	29.147.954.340
Các khoản dự phòng	03		(811.800.000)	-
Lãi/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.756.054	(27.575.008)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(2.816.790.481)	(1.180.370.887)
Chi phí lãi vay	06		7.679.905.539	12.077.550.507
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***118.653.507.814***	***107.626.106.676***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.987.031.841)	24.565.861.963
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.711.799.804	(1.763.509.176)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.982.636.298	33.877.299.428
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.923.813.218	(8.883.528.351)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.701.361.176)	(12.230.779.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.109.227.944)	(1.544.847.012)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(224.650.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***106.249.485.373***	***141.646.604.369***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(16.638.830.036)	(1.084.181.818)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(93.000.000.000)	(53.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		73.000.000.000	3.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.659.245.276	215.039.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(33.979.584.760)***	***(50.369.142.438)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		403.614.523.918	515.841.739.555
Tiền trả nợ gốc vay	34		(473.368.461.912)	(606.844.040.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(69.753.937.994)***	***(91.002.300.691)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**2.515.962.619**	**275.161.240**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**13.483.353.480**	**13.180.617.232**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.756.054)	27.575.008
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**15.980.560.045**	**13.483.353.480**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thu Hà	Chu Khánh Linh	Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101509403 ngày 07/07/2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 16/06/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/06/2010.

- Tên chứng khoán: Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NCS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 17.949.098 cổ phiếu (Mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi tám cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 179.490.980.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 793 người (tại ngày 31/12/2024 là 753 người).

Trụ sở Công ty tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn;
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2024.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của công ty là 38,9 tỷ đồng. Chúng tôi đánh giá việc này không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty vì những lý do sau:

- Chỉ tiêu Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 tăng 142,7 tỷ đồng so với năm 2024. Trong năm 2025, Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh lãi 67,7 tỷ đồng (năm 2024 lãi: 54,8 tỷ đồng) và lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh dương 106,2 tỷ đồng (năm 2024 dương: 141,6 tỷ đồng).

- Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận theo Thông báo giao chỉ tiêu kế hoạch định hướng năm 2026 cho người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam tại Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài là 976,54 tỷ đồng (tăng 16% so với kế hoạch năm 2025) , Lợi nhuận trước thuế khoảng 93,823 tỷ đồng (tăng 16% so với kế hoạch năm 2025).

- Tại ngày 31/12/2025, tổng hạn mức vay ngắn hạn còn lại tại các Ngân hàng là khoảng 30 tỷ đồng. Chúng tôi đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.16 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển…

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,….); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ…); Chi phí bằng tiền khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) được công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.980.560.045	13.483.353.480
	15.980.560.045	**13.483.353.480**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	**73.000.000.000**	**73.000.000.000**	**53.000.000.000**	**53.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	73.000.000.000	73.000.000.000	53.000.000.000	53.000.000.000
+ *Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*
+ *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam*	*3.000.000.000*	*3.000.000.000*	*3.000.000.000*	*3.000.000.000*
+ *Ngân hàng TMCP Đông Nam Á*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
+ *Ngân hàng TMCP Tiên Phong*	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*
+ *Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội*	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*	-	-
	73.000.000.000	**73.000.000.000**	**53.000.000.000**	**53.000.000.000**

Các hợp đồng tiền gửi có kì hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng, với lãi suất là từ 4,5% đến 7,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	Dự phòng VND	01/01/2025 VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**84.360.507.707**	**(1.203.684.953)**	**74.679.735.010**	**(1.203.684.953)**
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	40.213.720.044	-	31.573.886.656	-
- Emirates	4.616.052.581	-	2.741.834.478	-
- Cathay Pacific Airways	4.161.369.187	-	2.982.304.212	-
- Công ty cổ phần VINSCHOOL	3.430.352.014	-	2.818.991.704	-
- Korean Air	3.253.441.429	-	3.561.054.175	-
- Air China Limited	3.243.466.964	-	1.754.196.186	-
- Starlux Airlines	3.067.050.289	-	2.689.903.376	-
- Công ty TNHH Thương mại Minh Anh FOODS	2.987.723.926	-	1.330.634.932	-
- Malaysia Airlines Berhad	2.649.761.184	-	849.270.123	-
- China Airlines Limited	1.791.002.935	-	1.761.582.536	-
- Japan Airlines	1.584.558.950	-	1.378.597.027	-
- Công ty Hàng Không Đông Dương-VP	1.203.684.953	(1.203.684.953)	1.203.684.953	(1.203.684.953)
- Các khách hàng khác	12.158.323.251	-	20.033.794.652	-
	84.360.507.707	**(1.203.684.953)**	**74.679.735.010**	**(1.203.684.953)**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 30	**41.249.539.730**	-	**37.706.037.617**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	Dự phòng VND	01/01/2025 VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**112.665.350**	**-**	**2.840.287.621**	**-**
- Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	-	-	956.553.500	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Môi trường	-	-	741.805.200	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	-	-	306.588.733	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Thiết bị ATTSV	-	-	248.405.400	-
- Công ty TNHH Thực phẩm Gia Bách	-	-	188.984.146	-
- Công ty TNHH Nguyên Hồng	-	-	134.784.000	-
- Các khách hàng khác	112.665.350	-	263.166.642	-
Cộng	**112.665.350**	**-**	**2.840.287.621**	**-**
Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30	**100.907.494**		**306.588.733**	

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**2.264.064.834**	**-**	**2.159.747.226**	**-**
- Tạm ứng	586.886.355	-	671.955.185	-
- Lãi tiền gửi dự thu	1.185.205.479	-	1.027.660.274	-
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	160.000.000		160.000.000	-
- Phải thu khác	331.973.000	-	300.131.767	-
Dài hạn	**1.456.529.600**	**-**	**1.372.878.800**	**(811.800.000)**
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	823.600.000	-	983.600.000	(811.800.000)
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	632.929.600	-	389.278.800	-
	3.720.594.434	**-**	**3.532.626.026**	**(811.800.000)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương (*)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh (**)	983.600.000	983.600.000	-	1.143.600.000	331.800.000	(811.800.000)
Tổng cộng	**2.187.284.953**	**983.600.000**	**(1.203.684.953)**	**2.347.284.953**	**331.800.000**	**(2.015.484.953)**

(*) Đây là khoản phải thu đã quá hạn trên 5 năm, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính.

(**) Theo biên bản thỏa thuận với ông Nguyễn Quốc Khánh, số tiền đặt cọc sẽ được hoàn lại trong vòng 10 năm, mỗi năm thanh toán 160.000.000 VND trước ngày 31/12 hàng năm; Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc công ty, vẫn còn tồn tại các rủi ro trong khoản phải thu của đối tượng trên do thời gian phải thu dài, ảnh hưởng của lạm phát,... nên đã trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ 50% với khoản phải thu trên. Tuy nhiên, theo thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài số 176/TB-KTNN ngày 03/07/2025 của Kiểm toán Nhà nước kết luận khoản trích lập dự phòng này không đủ điều kiện trích lập dự phòng, do đó Công ty đã hoàn nhập lại số đã trích 811.800.000 đồng trong năm 2025.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.455.769.610	-	11.844.805.684	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.255.240.864	-	3.578.004.594	-
	13.711.010.474	**-**	**15.422.810.278**	**-**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	**184.803.727.721**	**232.596.890.587**	**105.606.074.950**	**43.053.750.471**	**566.060.443.729**
- Mua trong năm	-	3.472.222.222	10.321.759.259	4.042.898.182	17.836.879.663
- Giảm khác	-	-	-	(241.300.298)	(241.300.298)
31/12/2025	**184.803.727.721**	**236.069.112.809**	**115.927.834.209**	**46.855.348.355**	**583.656.023.094**
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	**(23.938.139.354)**	**(117.295.664.427)**	**(84.914.478.079)**	**(40.223.805.798)**	**(266.372.087.658)**
- Khấu hao trong năm	(3.696.074.556)	(15.231.692.388)	(7.175.373.417)	(3.619.371.354)	(29.722.511.715)
- Giảm khác	-	-	-	241.300.298	241.300.298
31/12/2025	**(27.634.213.910)**	**(132.527.356.815)**	**(92.089.851.496)**	**(43.601.876.854)**	**(295.853.299.075)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	**160.865.588.367**	**115.301.226.160**	**20.691.596.871**	**2.829.944.673**	**299.688.356.071**
31/12/2025	**157.169.513.811**	**103.541.755.994**	**23.837.982.713**	**3.253.471.501**	**287.802.724.019**

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 74.024.491.165 VND (tại ngày 01/01/2025 là 67.570.367.498 VND).

Tại ngày 31/12/2025, tài sản công ty được thế chấp được trình bày tại Thuyết minh 17 "Vay nợ và thuê tài chính" bao gồm:

- Toàn bộ máy móc thiết bị của "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán phát sinh từ "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" đã được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT1444-NCS ngày 13/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

Là các phần mềm máy tính, có tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2025 là 4.748.831.818 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 4.748.831.818 đồng) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**78.552.651.691**	**78.552.651.691**	**74.935.787.763**	**74.935.787.763**
- Công ty TNHH Thiên Sơn	9.860.237.678	9.860.237.678	7.645.724.694	7.645.724.694
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	6.040.355.697	6.040.355.697	4.052.614.050	4.052.614.050
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập Khẩu Nhất Lâm	4.890.188.861	4.890.188.861	5.705.700.881	5.705.700.881
- Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Phát triển Trí Đức	4.724.433.000	4.724.433.000	3.096.720.000	3.096.720.000
- Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	3.973.606.980	3.973.606.980	3.228.564.200	3.228.564.200
- Công ty TNHH TM và dịch vụ công nghệ Môi Trường	3.389.908.700	3.389.908.700	-	-
- Công ty TNHH Việt Trang	3.158.340.780	3.158.340.780	2.060.752.500	2.060.752.500
- Công ty TNHH Aden Services Việt Nam- CN Hà Nội	2.590.892.557	2.590.892.557	2.514.103.835	2.514.103.835
- Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	-	-	2.053.700.944	2.053.700.944
- Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu EUFOOD Việt Nam	2.423.469.157	2.423.469.157	1.896.707.364	1.896.707.364
- Công ty Cổ phần Thực phẩm NIPPONHAM Việt Nam	1.938.081.589	1.938.081.589	2.115.776.009	2.115.776.009
- Các nhà cung cấp khác	35.563.136.692	35.563.136.692	40.565.423.286	40.565.423.286
	78.552.651.691	**78.552.651.691**	**74.935.787.763**	**74.935.787.763**
Phải trả người bán là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 30	**300.867.797**	**300.867.797**	**544.815.458**	**544.815.458**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng (*)	-	48.137.741.286	45.581.431.332	2.556.309.954
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	9.449.218.491	17.410.803.302	23.109.227.944	3.750.793.849
- Thuế thu nhập cá nhân (***)	827.290.355	4.745.202.541	4.173.585.674	1.398.907.222
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	817.119.371	817.119.371	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	10.276.508.846	**71.114.866.500**	**73.685.364.321**	**7.706.011.025**

(*) Số tiền thuế giá trị gia tăng đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trong năm là 13.216.151.873 đồng.

(**) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã bao gồm các khoản điều chỉnh giảm số thuế TNDN trích thừa năm 2024 tại Quý 4/2024 số tiền 685.408.122 đồng và tăng số thuế TNDN phải nộp năm 2024 số tiền 183.986.722 đồng theo Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài số 176/TB-KTNN ngày 03/07/2025 của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/07/2025.

(***) Số thuế Thu nhập cá nhân phải nộp trong năm đã bao gồm khoản điều chỉnh tăng thuế TNCN phải nộp năm 2024 theo Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài số 176/TB-KTNN ngày 03/07/2025 của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/07/2025.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**1.962.934.503**	**2.107.016.374**
- Chi phí lãi vay phải trả	83.577.240	105.032.877
- Chi phí phải trả bán trà sữa	601.847.276	1.110.484.710
- Chi phí điện sản xuất	932.099.200	798.325.600
- Các khoản trích trước khác	345.410.787	93.173.187
	1.962.934.503	**2.107.016.374**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**670.070.296**	**533.317.447**
- Nhận ký quỹ, ký cược	308.485.036	-
- Cổ tức còn phải trả	46.853.720	46.853.720
- Kinh phí công đoàn	204.817.102	209.141.291
- Bảo hiểm y tế	-	49.298.341
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	43.544.095
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	109.914.438	184.480.000
	670.070.296	**533.317.447**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**89.753.937.994**	**89.753.937.994**	**444.014.523.918**	**473.368.461.912**	**60.400.000.000**	**60.400.000.000**
Vay ngắn hạn	***49.353.937.994***	***49.353.937.994***	***403.614.523.918***	***432.968.461.912***	***20.000.000.000***	***20.000.000.000***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (**)	33.442.736.122	33.442.736.122	217.609.858.922	251.052.595.044	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (***)	15.911.201.872	15.911.201.872	186.004.664.996	181.915.866.868	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	***40.400.000.000***	***40.400.000.000***	***40.400.000.000***	***40.400.000.000***	***40.400.000.000***	***40.400.000.000***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	40.400.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**57.912.032.803**	**57.912.032.803**	-	**40.400.000.000**	**17.512.032.803**	**17.512.032.803**
Vay dài hạn	***57.912.032.803***	***57.912.032.803***	-	***40.400.000.000***	***17.512.032.803***	***17.512.032.803***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	57.912.032.803	57.912.032.803	-	40.400.000.000	17.512.032.803	17.512.032.803
	147.665.970.797	**147.665.970.797**	**444.014.523.918**	**513.768.461.912**	**77.912.032.803**	**77.912.032.803**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY NỢ VÀ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và các phụ lục điều chỉnh với hạn mức là 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

Lãi suất của hợp đồng:

Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

Tài sản thế chấp:

Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 261.640.751.959 VND;
Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I" theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau "ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn", bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

(**) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2024/HĐCVHM/NHCT144-NCS ký ngày 06/08/2024 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh, với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

(***) Hợp đồng vay với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam bao gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số 2802LAV2024 ký tháng 05 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

+ Hợp đồng tín dụng số 2802LAV202501732 ký ngày 30/06/2025 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	**179.490.980.000**	**(8.880.000)**	**(51.757.158.193)**	**127.724.941.807**
Lãi trong năm	-	-	54.769.101.590	54.769.101.590
31/12/2024	**179.490.980.000**	**(8.880.000)**	**3.011.943.397**	**182.494.043.397**
01/01/2025	**179.490.980.000**	**(8.880.000)**	**3.011.943.397**	**182.494.043.397**
Lãi trong năm	-	-	67.691.421.983	67.691.421.983
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng năm 2024 (*)	-	-	(2.883.014.658)	(2.883.014.658)
31/12/2025	**179.490.980.000**	**(8.880.000)**	**67.820.350.722**	**247.302.450.722**

(*) Theo Nghị quyết 04/NQ-NCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trong đó trích Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.403.014.658 đồng, Khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH số tiền 480.000.000 đồng. Lợi nhuận chưa chia để lại số tiền 128.928.739 đồng.

18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	108.006.070.000	60,17	108.006.070.000	60,17
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	18.001.000.000	10,03	18.001.000.000	10,03
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.060.150.000	1,70	3.060.150.000	1,70
- Cổ đông khác	50.423.760.000	28,10	50.423.760.000	28,10
Cộng	**179.490.980.000**	**100**	**179.490.980.000**	**100**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.3 Cổ phiếu

Cổ phiếu	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	17.970.057	17.970.057
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	17.949.098
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	*17.949.098*	*17.949.098*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	*888*	*888*
Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	17.948.210
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	*17.948.210*	*17.948.210*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ		
- USD	110.962,22	18.678,98
	110.962,22	**18.678,98**

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu cung cấp suất ăn	757.942.485.556	636.987.049.378
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.501.686.139	121.544.364.648
- Doanh thu khác	308.540.000	311.704.000
	900.752.711.695	**758.843.118.026**
Doanh thu với các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 30	**527.890.478.140**	**452.755.094.280**

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	**25.999.778.999**	**26.776.552.303**
- Chiết khấu thương mại	25.999.778.999	26.776.552.303
	25.999.778.999	**26.776.552.303**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	596.739.299.212	496.781.657.081
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	142.136.494.128	118.327.723.979
	738.875.793.340	**615.109.381.060**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.816.790.481	1.180.370.887
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.908.789.121	1.590.979.893
- Các khoản doanh thu tài chính khác	338.763.037	27.575.008
	5.064.342.639	**2.798.925.788**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	7.679.905.539	12.077.550.507
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	187.129.376	137.939.639
- Chi phí tài chính khác	229.449.349	152.019.388
	8.096.484.264	**12.367.509.534**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	7.300.710.378	6.631.545.971
- Phí nhượng quyền khai thác	3.904.340.000	3.243.100.000
- Chi phí khác	4.396.584.344	4.006.648.715
	15.601.634.722	**13.881.294.686**

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	20.221.399.829	15.998.398.142
- Chi phí đồ dùng văn phòng	500.166.064	391.581.814
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.448.599.352	2.402.698.933
- Hoàn trích chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(811.800.000)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.325.809	198.668.658
- Chi phí khác bằng tiền	9.076.188.884	7.081.117.567
	31.759.879.938	**26.072.465.114**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361.926.772.038	304.343.296.939
- Chi phí nhân công	240.582.964.685	194.117.179.087
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.722.511.715	29.147.954.340
- Hoàn trích chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(811.800.000)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.347.087.949	50.353.638.970
- Chi phí bằng tiền khác	90.657.971.613	77.101.071.524
	785.425.508.000	**655.063.140.860**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**85.102.225.285**	**67.608.547.724**
- **Các khoản điều chỉnh tăng**	**1.951.791.226**	**10.280.532.251**
- Các khoản chi phí không được trừ	1.749.270.792	10.280.532.251
- Điều chỉnh tăng chi phí do phát hiện hóa đơn đầu vào của doanh nghiệp bỏ trốn, ngừng hoạt động từ năm 2023-2024	202.520.434	-
- **Tổng thu nhập chịu thuế trong năm**	**87.054.016.511**	**77.889.079.975**
- **Chuyển lỗ**	**-**	**(13.691.849.308)**
- Thuế suất	20%	20%
- **Thuế TNDN phải trả ước tính**	**17.410.803.302**	**12.839.446.134**
- **Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**17.410.803.302**	**12.839.446.134**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp	67.691.421.983	54.769.101.590
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH năm 2024	-	2.883.014.658
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.948.210	17.948.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (*)	**3.771**	**2.891**

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH năm 2024 với số tiền là 2.883.014.658 đồng (đã được phê duyệt theo Nghị quyết 04/NQ-NCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/04/2025). Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 2.891 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 3.052 đồng/cổ phiếu).

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
3	Công ty cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Bay dịch vụ Hàng không Vasco	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ Phần Hàng hóa Nội Bài	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco	Cùng Tập đoàn
11	Công ty Cổ phần Sarbe Việt Nam	Cùng Tập đoàn
12	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Cùng Tập đoàn
14	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
15	Trung tâm Bông sen vàng	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Cùng Tập đoàn

30.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**527.890.478.140**	**452.755.094.280**
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	509.346.480.786	438.243.942.814
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Đoàn tiếp viên	93.200.598	-
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	1.346.951.487	1.004.747.392
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	2.803.300.000	1.365.550.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	164.300.452	167.930.854
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	5.648.870.946	7.248.240.393
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam	441.283.469	218.361.255
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	5.905.397.838	3.284.333.803
- Công ty TNHH MTV Nhiên Liệu Hàng Không Việt Nam	2.140.692.564	1.063.879.534
Mua hàng hóa và dịch vụ	**4.437.618.346**	**3.665.578.113**
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam	2.371.765.702	2.409.294.476
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	348.743.765	308.655.854
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	1.071.849.809	772.855.680
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	473.059.070	174.772.103
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	172.200.000	-

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**41.249.539.730**	**37.706.037.617**
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	40.213.720.044	31.573.886.656
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	353.652.868	232.829.227
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	224.413.000	981.180.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam	15.772.153	16.944.552
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng	79.219.720	60.497.212
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	362.761.945	4.760.700.050
Trả trước cho người bán	**100.907.494**	**306.588.733**
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	100.907.494	306.588.733
Phải trả người bán ngắn hạn	**300.867.797**	**544.815.458**
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Việt Nam	214.123.676	428.247.352
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	64.064.855	83.720.824
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	22.679.266	32.847.282

30.4. THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	172.800.000	172.800.000
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	139.200.000	138.240.000
Ông Trần Việt Hải	Thành viên	139.200.000	79.440.000
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	-	58.800.000
Ban Tổng giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	1.222.130.281	987.055.939
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó tổng giám đốc	902.264.485	804.739.927
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng	811.771.801	732.129.133
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban	720.000.000	533.750.000
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	-	141.750.000
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	-	29.700.000
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên	139.200.000	73.980.000
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	1.119.079.800	885.540.400
		5.365.646.367	**4.637.925.399**

30.5. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.6. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 20 và 22 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30.7. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

30.8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thu Hà	Chu Khánh Linh	Nguyễn Văn Dũng